

Bản án số: 261/2020/DS-ST

Ngày: 28-8-2020

“V/v Tranh chấp nợ hụi”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CỬ CHI, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Quang Định

Các Hội thẩm nhân dân: 1- Bà Phạm Thị Ngọc

2- Bà Nguyễn Phước Trinh

Thư ký phiên tòa: Ông Dương Anh Đạt – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cử Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cử Chi, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Huyền – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cử Chi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 634/2019/TLST-DS ngày 13 tháng 12 năm 2019 về việc: “Tranh chấp nợ hụi” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 192/2020/QĐXXST-DS ngày 23/6/2020, Quyết định hoãn phiên tòa số: 120/2020/QĐST-DS ngày 14/7/2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 188/2020/QĐST-DS ngày 31/7/2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Lâm Thị V, sinh năm: 1979; địa chỉ: Ấp B, xã P, huyện M, tỉnh Sóc Trăng (có mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Lương Văn T – Luật sư cộng tác viên Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước Thành phố Hồ Chí Minh. (có mặt)

- Bị đơn:

1/ Ông Lý S, sinh năm: 1982 (vắng mặt)

2/ Bà Lâm Thị Sà B, sinh năm 1979 (vắng mặt)

Cùng địa chỉ thường trú: Ấp B, xã P, huyện M, tỉnh Sóc Trăng; cùng địa chỉ tạm trú: Tổ 5, ấp T, xã Tr, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh;

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Hứa Ky Đ, sinh năm: 1977; địa chỉ: Ấp B, xã P, huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Đ: Bà Lâm Thị V, sinh năm: 1979; địa chỉ: Ấp B, xã P, huyện M, tỉnh Sóc Trăng. (Văn bản ủy quyền số công chứng: 5018, quyển số 01 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 22/6/2020 tại Văn phòng Công chứng Trần Văn Năm, tỉnh Sóc Trăng) (Có mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Đ: Bà Huỳnh Thị Ngọc C – Luật sư cộng tác viên Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước Thành phố Hồ Chí Minh. (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn nội dung đơn khởi kiện ngày 07/3/2019 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Lâm Thị V trình bày:

Vợ chồng ông Lý S và bà Lâm Thị Sà B là hội viên có tham gia chơi hội do bà làm chủ, cụ thể như sau: Dây hội thứ nhất: Hội mùa 5.000.000đồng, mở hội ngày 28/12/2014; ông S bà B thiếu bà 50.000.000đồng. Dây hội thứ hai: Hội tháng 1.000.000đồng, mở hội ngày 10/01/2017; ông S, bà B thiếu bà 26.000.000đồng. Vợ chồng ông S, bà B làm chủ hội, bà tham gia chơi hội, cụ thể như sau: Dây hội tuần, mở ngày 10/3/2017, hội 200.000đồng, thỏa thuận mỗi tuần khui một lần vào ngày thứ hai hàng tuần, dây hội có 65 phần, 30 người tham gia, bà tham gia 4 phần: Phần hội thứ nhất: Vợ chồng ông S, bà B còn thiếu bà 9.200.000đồng. Phần hội thứ hai: Vợ chồng ông S, bà B còn thiếu bà 9.400.000đồng. Phần hội thứ ba: Vợ chồng ông S, bà B thiếu bà 9.600.000đồng. Phần thứ tư: Vợ chồng ông S, bà B thiếu bà 9.800.000đồng. Bà làm chủ hội thì ông S, bà B thiếu bà 76.000.000đồng và ông S, bà B làm chủ hội thì ông S, bà B thiếu bà 38.000.000đồng. Tổng cộng, ông S, bà B thiếu bà số tiền 114.000.000đồng.

Nay bà yêu cầu Tòa án giải quyết buộc vợ chồng ông S, bà B có nghĩa vụ trả số tiền 114.000.000đồng

Các tài liệu, chứng cứ mà nguyên đơn cung cấp để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình gồm: giấy đăng ký kết hôn (bản sao); Trích lục kết hôn (bản sao), Sổ hộ khẩu, chứng minh nhân dân (bản sao y), tờ tường trình (bản chính).

Bị đơn bà Lâm Thị Sa B trình bày:

Bà với bà Lâm Thị V là chị em chú bác ruột với nhau, bà với bà V có chơi hội với nhau đúng như bà V trình bày nhưng số tiền bà V trình bày là không đúng. Bà tham gia chơi hội 02 dây do bà V làm chủ. Còn hội tuần 01 dây thì bà làm chủ bà V tham gia 04 chân. Số tiền bà hốt hội và nợ hội bà V bao nhiêu thì bà không nhớ, số tiền bà hốt hội và làm chủ với bà V đầu tư vào làm ăn chung của vợ chồng nhưng bị thua lỗ.

Qua đơn khởi kiện của bà V thì vợ chồng bà đồng ý trả cho bà V 100.000.000đồng, phương án bà và ông S trả nợ cho bà V mỗi tháng 2.000.000 đồng.

Bị đơn ông Lý S trình bày:

Ông đã được xem đơn khởi kiện của bà V. Ông thừa nhận vợ chồng ông và bà B còn nợ tiền hội của bà V số tiền 100.000.000đồng nhưng do vợ chồng ông có hoàn cảnh khó khăn nên chưa trả dứt nợ cho bà V. Mỗi tháng vợ chồng ông chỉ có khả năng trả cho bà V số tiền là 2.000.000đồng.

Các tài liệu, chứng cứ mà bị đơn cung cấp để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình gồm: Giấy chứng minh nhân dân (bản sao y), bản tự khai (bản chính).

Bà Lâm Thị V là người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Hứa Ky Đ trình bày: Bà là vợ của ông Hứa Ky Đ, tiền chơi hội là tiền riêng của bà V nên bà thống nhất với lời trình bày của nguyên đơn yêu cầu vợ chồng ông S, bà B trả số tiền 100.000.000đồng cho nguyên đơn và không bổ sung gì thêm.

Tại các phiên hòa giải, nguyên đơn bà Lâm Thị V với vợ chồng ông Lý S và bà Lâm Thị Sà B thống nhất thỏa thuận vợ chồng ông S, bà B còn thiếu nợ tiền hội của bà V là 100.000.000đồng và không yêu cầu tính lãi. Tuy nhiên, các bên không thống nhất thời

gian, phương án trả nợ nên các buổi hòa giải không thành. Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn và người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Lâm Thị V vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện buộc vợ chồng ông Lý S, bà Lâm Thị Sà B trả số tiền nợ hui 100.000.000đồng, không yêu cầu tính lãi, trả một lần khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Bị đơn ông Lý S, bà Lâm Thị V vắng mặt không rõ lý do.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà V và ông Đ là ông Lương Văn T và bà Huỳnh Thị Ngọc C thống nhất đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và sự thừa nhận của các bên tại bản tự khai và biên bản hòa giải tại Tòa án nhân dân huyện Củ Chi để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lâm Thị V.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm.

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng từ khi thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án đều thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015. Tuy nhiên, còn vi phạm thời hạn chuẩn bị xét xử theo quy định tại Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 463, khoản 1 Điều 466, Điều 469 và Điều 471 Bộ luật Dân sự năm 2015 đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 14.000.000đồng; chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn buộc vợ chồng ông Lý S và bà Lâm Thị Sà B trả cho nguyên đơn số tiền 100.000.000đ (một trăm triệu đồng), trả một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Theo nội dung đơn khởi kiện có cơ sở xác định quan hệ pháp luật là tranh chấp về hui được quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, bị đơn có nơi cư trú tại xã T, huyện C nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Củ Chi.

Bị đơn ông Lý S, bà Lâm Thị Sà B đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan; căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông S và bà B.

[2] Về nội dung:

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên Tòa, nguyên đơn thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện, yêu cầu ông Lý S và bà Lâm Thị Sà B có trách nhiệm trả cho nguyên đơn số tiền nợ hui là 100.000.000đồng, không yêu cầu trả lãi, yêu cầu trả một lần số tiền trên ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật. Việc rút một phần yêu cầu khởi kiện là sự tự nguyện của nguyên đơn và không vượt quá yêu cầu khởi kiện ban đầu, không trái quy định của pháp luật, nên căn cứ khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân

sự năm 2015, Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ một phần yêu cầu của nguyên đơn đối với số tiền 14.000.000đồng.

Đối với yêu cầu ông Lý S và bà Lâm Thị Sà B trả nợ tiền hui 100.000.000đồng, không yêu cầu tính lãi, trả một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật của bà Lâm Thị V.

Xét thấy, việc tham gia chơi hui giữa bà Lâm Thị V với ông Lý S và bà Lâm Thị Sà B đã diễn ra nhiều lần trong khoảng thời gian dài và ông S, bà B còn nợ hui bà V số tiền 100.00.000đồng là có thật. Bởi lẽ, ông S và bà B đã thừa nhận ông, bà có nợ số tiền này theo Bản tự khai ngày 03/3/2020; Biên bản hòa giải ngày 03/3/2020 và ngày 10/3/2020 tại bút lục số 91, 92, 95, 96 của hồ sơ vụ án. Đây là những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Vì vậy, bà Lâm Thị V khởi kiện ông Lý S và bà Lâm Thị Sà B có nghĩa vụ liên đới trả số tiền 100.000.000đồng là có cơ sở.

Đối với đề nghị của bà Lâm Thị Sà B trả nợ số tiền 100.000.000đồng cho bà V mỗi tháng sẽ trả 2.000.000 đồng; đối với đề nghị của ông Lý S mỗi tháng vợ chồng ông chỉ có khả năng trả cho bà V số tiền là 2.000.000đồng nhưng bà V không đồng ý. Do ông S, bà B đã nợ số tiền hui trên nhưng vi phạm nghĩa vụ trả nợ đã ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn. Xét yêu cầu của nguyên đơn yêu cầu ông S, bà B trả số tiền 100.00.000đ một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật là có căn cứ.

Từ những phân tích trên, căn cứ Điều 463, khoản 1 Điều 466, Điều 469 và Điều 471 Bộ luật Dân sự năm 2015; Hội đồng xét xử nhận thấy yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận, cần buộc vợ chồng ông Lý S liên đới cùng bà Lâm Thị Sà B trả cho nguyên đơn số tiền 100.000.000đ (một trăm triệu đồng), trả một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật; căn cứ Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015, cần buộc ông S, bà B phải trả tiền lãi suất phát sinh do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền được xác định theo sự thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự, nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự kể từ ngày nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn được Hội đồng xét xử chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự có giá ngạch với số tiền 5.000.000đồng (giá trị tài sản có tranh chấp: 100.000.000đ X 5% = 5.000.000đ) theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[4] Về phát biểu ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên Tòa về việc giải quyết vụ án: Viện Kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi kiến nghị Tòa án khắc phục vi phạm thời hạn chuẩn bị xét xử theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 là phù hợp, Hội đồng xét xử nghi nhận. Về nội dung vụ án, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi đề nghị: Đình chỉ một phần và chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 92; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; khoản 2 Điều 244; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 357, Điều 463, khoản 1 Điều 466, Điều 468 Điều 469 và Điều 471 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

- Căn cứ Điều 6, Điều 7, Điều 26, Điều 30, Điều 31 và Điều 32 của Luật thi hành án dân sự (đã sửa đổi bổ sung năm 2014).

Tuyên xử:

- Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với số tiền 14.000.000đ (mười bốn triệu đồng).

- Chấp nhận yêu cầu của bà Lâm Thị V về việc yêu cầu ông Lý S và bà Lâm Thị Sà B phải có nghĩa vụ liên đới trả cho bà V số tiền nợ hui tổng cộng 100.000.000đ (một trăm triệu đồng), trả một lần ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Thi hành tại Chi cục thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Án phí dân sự sơ thẩm là 5.000.000đ (năm triệu đồng) buộc ông Lý S và bà Lâm Thị Sà B phải nộp.

Bà Lâm Thị V được miễn nộp tiền tạm ứng án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, điều 7, điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự không có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND huyện Củ Chi;
- CCTHADS huyện Củ Chi;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, VP.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Quang Định

